

Số: 238/QĐ-CĐSPBN

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận trúng tuyển Cao đẳng vừa làm vừa học
ngành Giáo dục Mầm non đợt 1 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BẮC NINH

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ/TTg ngày 24/6/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Giáo dục và Đào tạo Bắc Ninh;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Căn cứ Quyết định số 152/QĐ-CĐSPBN ngày 08/5/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh về việc Ban hành Quy chế tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tin tuyển sinh năm 2025 của Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh xác định điểm trúng tuyển Cao đẳng vừa làm vừa học ngành Giáo dục Mầm non đợt 1 tháng 7 năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ vừa làm vừa học năm 2025 cho 152 thí sinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Lãnh đạo trường, trưởng các đơn vị có liên quan và những thí sinh có tên trong danh sách đính kèm tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Website Trường;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Hữu Tuyển

Mã ngành: 51140201; Tên ngành: Giáo dục Mầm non

TT	Mã HS	CMTND/ CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Năm TN	Giới	Tỉnh	Huyện	KV	ĐT	Tổ hợp xét	M1	ĐM 1	M2	ĐM 2	M3	ĐM 3	Học lực	Tổng điểm	ĐUT KV	ĐUT ĐT	Điểm XT (có UT)	Ghi chú
1	TT01	020196001778	Hoàng Thị Linh	25/01/1996	2014	Nữ	19	03	1		C00	VA	7.3	SU	7.4	ĐI	7.9	Khá	22.60	0.00	0	22.60	TCSPMN
2	TT02	027186005476	Nguyễn Thị Hương	10/06/1986	2004	Nữ	19	01	2NT		C00	VA	6.1	SU	6.8	ĐI	5.9	Khá	18.80	0.00	0	18.80	TCSPMN
3	TT03	027191013958	Nguyễn Thị Bộ	06/04/1991	2009	Nữ	19	01	2		D01	TO	7.4	VA	6.9	N1	6.6	Khá	20.90	0.00	0	20.90	TCSPMN
4	TT04	027198001845	Nguyễn Thị Thu Hoài	25/03/1998	2016	Nữ	19	03	2NT		C00	VA	7.6	SU	8.0	ĐI	7.9	Giỏi	23.50	0.00	0	23.50	TCSPMN
5	TT05	027192011024	Trần Thị Loan	21/12/1992	2010	Nữ	19	05	2NT		C00	VA	6.0	SU	7.5	ĐI	6.1	TB	19.60	0.00	0	19.60	TCSPMN
6	TT06	027194011765	Nguyễn Thị Thư	24/01/1994	2012	Nữ	19	01	2		C00	VA	6.1	SU	6.4	ĐI	6.0	TB	18.50	0.00	0	18.50	TCSPMN
7	TT07	027198002256	Vũ Thùy Dương	01/08/1998	2016	Nữ	19	08	2NT		C00	VA	6.8	SU	6.9	ĐI	6.8	Khá	20.50	0.00	0	20.50	TCSPMN
8	TT08	024185014009	Nguyễn Thị Thanh Hoa	23/09/1985	2003	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	5.3	SU	5.7	ĐI	7.0	TB	18.00	0.00	0	18.00	TCSPMN
9	TT10	027197001274	Nguyễn Thị Hoài Linh	15/02/1997	2015	Nữ	19	04	2NT		C00	VA	6.0	SU	7.1	ĐI	7.3	Khá	20.40	0.00	0	20.40	TCSPMN
10	TT11	027304006432	Phạm Thị Ngọc Cẩm	14/08/2004	2022	Nữ	19	04	2NT		C00	VA	7.8	SU	8.1	ĐI	8.2	Khá	24.10	0.00	0	24.10	TCSPMN
11	TT12	027197001002	Nguyễn Thị Minh Lý	15/06/1997	2016	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	7.4	SU	6.9	ĐI	7.3	Khá	21.60	0.00	0	21.60	TCSPMN
12	TT13	024186002314	Nguyễn Thị Thu	12/12/1986	2005	Nữ	18	09	2NT		D01	TO	8.9	VA	8.0	N1	8.2	Giỏi	25.10	0.00	0	25.10	TCSPMN
13	TT14	024195011972	Nguyễn Thị Thanh Hoa	17/07/1995	2013	Nữ	18	09	2NT		C00	VA	6.7	SU	5.8	ĐI	6.1	Khá	18.60	0.00	0	18.60	TCSPMN
14	TT17	027195002325	Tạ Thị Hạnh	08/11/1995	2013	Nữ	19	01	2NT		C00	VA	5.8	SU	7.0	ĐI	7.0	Khá	19.80	0.00	0	19.80	TCSPMN
15	TT19	027190011737	Phan Thị Viện	26/08/1990	2008	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	6.5	SU	6.9	ĐI	7.0	Khá	20.40	0.00	0	20.40	TCSPTH
16	TT20	027197005937	Ngô Thị Lành	25/01/1997	2015	Nữ	19	02	2		D01	TO	8.3	VA	7.5	N1	7.2	Khá	23.00	0.00	0	23.00	TCSPMN
17	TT21	034197002260	Nguyễn Thị Hồng Ngoan	20/06/1997	2015	Nữ	27	02	2NT		D01	TO	7.5	VA	8.4	N1	8.0	Khá	23.90	0.00	0	23.90	TCSPMN
18	TT22	034196012195	Nguyễn Thị Duyên	15/11/1996	2014	Nữ	19	01	2NT		C00	VA	7.9	SU	7.0	ĐI	7.5	Khá	22.40	0.00	0	22.40	TCSPMN
19	VL VH 82	027198000207	Nguyễn Thị Tuyền	29/11/1998	2016	Nữ	19	04	2NT		C00	VA	7.6	SU	9.6	ĐI	8.5	Giỏi	25.70	0.00	0	25.70	
20	VL VH 96	027305001513	Đặng Thị Hồng	17/6/2005	2023	Nữ	19	03	2NT		C00	VA	8.1	SU	8.7	ĐI	8.8	Giỏi	25.60	0.00	0	25.60	

TT	Mã HS	CMTND/ CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Năm TN	Giới	Tỉnh	Huyện	KV	ĐT	Tổ hợp xét	M1	ĐM 1	M2	ĐM 2	M3	ĐM 3	Học lực	Tổng điểm	ĐUT KV	ĐUT ĐT	Điểm XT (có UT)	Ghi chú
21	VLVH 116	027305002825	Vũ Thị Trang	11/11/2005	2023	Nữ	19	04	2NT		C00	VA	8.1	SU	8.6	ĐI	8.7	Giỏi	25.40	0.00	0	25.40	
22	VLVH 138	027301008971	Nguyễn Thị Thanh Nhân	20/07/2001	2019	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	8.1	SU	8.7	ĐI	8.5	Giỏi	25.30	0.00	0	25.30	
23	VLVH 26	027301002014	Nguyễn Thị Hương	16/8/2001	2019	Nữ	19	06	2NT		D01	TO	8.4	VA	8.2	N1	8.6	Giỏi	25.20	0.00	0	25.20	
24	VLVH 34	027304003314	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	20/05/2004	2023	Nữ	19	05	2		C00	VA	8.2	SU	8.4	ĐI	8.5	Giỏi	25.10	0.00	0	25.10	
25	VLVH 102	027199003098	Nguyễn Thị Quỳnh Duyên	15/06/1999	2017	Nữ	19	01	2		C00	VA	7.9	SU	8.3	ĐI	8.7	Giỏi	24.90	0.00	0	24.90	
26	VLVH 131	024188013393	Nguyễn Thị Thơ	01/01/1988	2006	Nữ	18	02	1		C00	VA	8.4	SU	9.0	ĐI	7.5	TB	24.90	0.00	0	24.90	TCSPMN
27	VLVH 07	027196001558	Đào Thị Dung	18/10/1996	2014	Nữ	19	04	2NT		D01	TA	8.7	VA	7.6	N1	8.5	Giỏi	24.80	0.00	0	24.80	
28	VLVH 20	027306004220	Hà Thị Hồng Ngọc	18/09/2006	2024	Nữ	19	06	2NT		D01	TO	9.0	VA	7.3	N1	8.0	Giỏi	24.30	0.50	0	24.68	
29	VLVH 144	027199006448	Vũ Thị Liễu	27/02/1999	2017	Nữ	19	01	2		C00	VA	7.4	SU	8.4	ĐI	8.8	Khá	24.60	0.00	0	24.60	
30	VLVH 110	027303001803	Nguyễn Thị Huyền Trang	21/06/2003	2021	Nữ	19	01	2		C00	VA	8.1	SU	8.3	ĐI	8.2	Giỏi	24.60	0.00	0	24.60	
31	VLVH 107	027306004449	Nguyễn Lan Anh	15/10/2006	2024	Nữ	19	03	2NT		C00	VA	7.7	SU	8.6	ĐI	7.9	Khá	24.20	0.50	0	24.59	
32	VLVH 61	027306006258	Nguyễn Thị Bình	17/09/2006	2024	Nữ	19	01	2		C00	VA	7.2	SU	8.6	ĐI	8.6	Khá	24.40	0.25	0	24.59	
33	VLVH 100	027306009092	Trần Thảo Vy	17/05/2006	2024	Nữ	19	01	2		C00	VA	7.5	SU	8.5	ĐI	8.4	Khá	24.40	0.25	0	24.59	
34	VLVH 72	027301000668	Hoàng Thị Mai Lan	04/02/2001	2019	Nữ	19	01	2NT		C00	VA	8.1	SU	8.3	ĐI	8.1	Giỏi	24.50	0.00	0	24.50	
35	VLVH 84	027304002312	Bùi Thị Ngọc Mai	25/01/2004	2022	Nữ	19	04	2		C00	VA	7.9	SU	8.3	ĐI	8.2	Giỏi	24.40	0.00	0	24.40	
36	VLVH 112	027306002365	Vũ Thị Lan Linh	01/05/2006	2024	Nữ	19	04	2		C00	VA	7.2	SU	8.7	ĐI	8.3	Khá	24.20	0.25	0	24.39	
37	VLVH 56	027306010971	Đặng Thị Dung	03/02/2006	2024	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	7.8	SU	8.2	ĐI	7.9	Giỏi	23.90	0.50	0	24.31	
38	VLVH 30	027199001446	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	19/12/1999	2017	Nữ	19	04	2NT		D01	TO	8.6	VA	7.2	N1	8.5	Giỏi	24.30	0.00	0	24.30	
39	VLVH 139	030303005736	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/11/2003	2021	Nữ	21	09	2NT		D01	TO	9.7	VA	7.6	N1	7.0	Giỏi	24.30	0.00	0	24.30	
40	VLVH 126	027303000641	Nguyễn Thị Thanh Trúc	31/12/2003	2021	Nữ	19	04	2NT		D01	TO	8.8	VA	8.2	N1	7.2	Khá	24.20	0.00	0	24.20	
41	VLVH 15	027198001930	Trần Thị Chung	14/05/1998	2016	Nữ	19	05	2		C00	VA	7.6	SU	8.5	ĐI	8.0	Giỏi	24.10	0.00	0	24.10	
42	VLVH 83	027304004609	Nguyễn Thị Thùy Dương	17/01/2004	2022	Nữ	19	01	2		C00	VA	6.9	SU	8.7	ĐI	8.5	Giỏi	24.10	0.00	0	24.10	
43	VLVH 154	027305011372	Đỗ Thị Hương Trang	23/6/2005	2023	Nữ	19	01	2		C00	VA	8.4	SU	8.2	ĐI	7.5	Giỏi	24.10	0.00		24.10	
44	VLVH 21	027306002986	Nguyễn Thị Phương Thùy	17/6/2006	2024	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	7.4	SU	8.5	ĐI	7.7	Khá	23.60	0.50	0	24.03	
45	VLVH 27	019300010225	Dương Thị Huyền	18/5/2000	2018	Nữ	12	08	2NT		C00	VA	8.0	SU	8.2	ĐI	7.8	Khá	24.00	0.00	0	24.00	

TT	Mã HS	CMTND/ CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Năm TN	Giới	Tỉnh	Huyện	KV	ĐT	Tổ hợp xét	M1	ĐM 1	M2	ĐM 2	M3	ĐM 3	Học lực	Tổng điểm	ĐUT KV	ĐUT ĐT	Điểm XT (có UT)	Ghi chú
46	VLVH 80	027197004503	Nguyễn Thị Ban	23/02/1997	2015	Nữ	19	01	2		D01	TO	8.1	VA	8.3	N1	7.6	Giỏi	24.00	0.00	0	24.00	
47	VLVH 117	027303007068	Nguyễn Thị Minh Trang	22/10/2003	2021	Nữ	19	07	2NT		D01	TO	8.9	VA	7.2	N1	7.9	Giỏi	24.00	0.00	0	24.00	
48	VLVH 75	027195003220	Nguyễn Thị Yên	12/03/1995	2013	Nữ	19	01	2		C00	VA	8.1	SU	8.1	ĐI	7.7	Khá	23.90	0.00	0	23.90	
49	VLVH 101	027300001147	Nguyễn Thị Quyên	20/04/2000	2018	Nữ	19	04	2NT		C00	VA	7.7	SU	8.0	ĐI	8.2	Khá	23.90	0.00	0	23.90	
50	VLVH 129	027300011087	Bùi Thị Xuân	04/02/2000	2018	Nữ	19	06	2NT		D01	TO	8.9	VA	7.4	N1	7.4	Khá	23.70	0.00	0	23.70	
51	VLVH 69	027305010354	Nguyễn Thị Bích Châm	27/7/2005	2023	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	7.9	SU	7.8	ĐI	8.0	Giỏi	23.70	0.00	0	23.70	
52	VLVH 145	014300007849	Lương Thị Quỳnh Trang	14/05/2000	2019	Nữ	14	06	1	1	C00	VA	6.5	SU	8.4	ĐI	6.8	Khá	21.70	0.00	2	23.70	
53	VLVH 58	027305008530	Lưu Thị Quỳnh	11/04/2005	2024	Nữ	19	07	2NT		C00	VA	8.0	SU	7.5	ĐI	7.7	Khá	23.20	0.50	0	23.65	
54	VLVH 65	027306005546	Nguyễn Thị Lan	02/07/2006	2024	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	7.7	SU	7.7	ĐI	7.8	Khá	23.20	0.50	0	23.65	
55	VLVH 77	027306011543	Lê Thị Thùy Linh	26/04/2006	2024	Nữ	19	03	2NT		C00	VA	7.1	SU	8.1	ĐI	8.0	Khá	23.20	0.50	0	23.65	
56	VLVH 29	027306010704	Ngô Thị Quỳnh	30/03/2006	2024	Nữ	19	05	2		C00	VA	7.3	SU	8.2	ĐI	7.9	Khá	23.40	0.25	0	23.62	
57	VLVH 25	027301004619	Nguyễn Phương Nhung	03/10/2001	2019	Nữ	19	06	2NT		D01	TO	8.0	VA	8.2	N1	7.4	Giỏi	23.60	0.00	0	23.60	
58	VLVH 89	027305005654	Nguyễn Thị Thúy Hường	18/11/2005	2024	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	7.6	SU	7.7	ĐI	7.8	Khá	23.10	0.50	0	23.56	
59	VLVH 19	027304008916	Nguyễn Thị Giang	18/06/2004	2022	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	7.7	SU	7.6	ĐI	8.2	Khá	23.50	0.00	0	23.50	
60	VLVH 59	027197009142	Ngô Thị Thảo	18/03/1997	2015	Nữ	19	04	2NT		D01	TO	8.4	VA	7.6	N1	7.5	Khá	23.50	0.00	0	23.50	
61	VLVH 103	027197006073	Đỗ Thị Hà	09/06/1997	2015	Nữ	19	02	2		C00	VA	7.5	SU	7.9	ĐI	8.1	Khá	23.50	0.00	0	23.50	
62	VLVH 149	027303009651	Nguyễn Thị Thanh Thảo	03/12/2003	2021	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	7.6	SU	8.4	ĐI	7.5	Khá	23.50	0.00	0	23.50	
63	VLVH 151	027198005827	Ngô Thị Trang	19/05/1998	2016	Nữ	27	02	2NT		D01	TO	8.1	VA	8.0	N1	7.4	Giỏi	23.50	0.00	0	23.50	TCSPMN
64	VLVH 62	027306011088	Nguyễn Anh Thư	05/11/2006	2024	Nữ	19	01	2		C00	VA	6.2	SU	8.4	ĐI	8.5	TB	23.10	0.25	0	23.33	
65	VLVH 66	027306002330	Nguyễn Thị Giang	02/10/2006	2024	Nữ	19	01	2		C00	VA	6.3	SU	8.4	ĐI	8.4	Khá	23.10	0.25	0	23.33	
66	VLVH 37	027199001842	Nguyễn Thị Thu Hà	10/11/1999	2017	Nữ	19	03	2NT		C00	VA	7.7	SU	7.7	ĐI	7.9	Khá	23.30	0.00	0	23.30	
67	VLVH 78	027304010800	Dương Thị Ngân	15/06/2004	2022	Nữ	19	05	2		C00	VA	7.9	SU	7.5	ĐI	7.9	Khá	23.30	0.00	0	23.30	
68	VLVH 10	027303002562	Đặng Thị Nhung	09/04/2003	2021	Nữ	19	08	2NT		D01	TA	8.7	VA	7.5	N1	7.1	Giỏi	23.30	0.00	0	23.30	
69	VLVH 12	027304010765	Trần Thị Liên	29/7/2004	2022	Nữ	19	02	2		C00	VA	7.5	SU	7.1	ĐI	8.6	Khá	23.20	0.00	0	23.20	
70	VLVH 47	024300002881	Hoàng Thanh Trang	18/03/2000	2018	Nữ	19	03	1		C00	VA	7.6	SU	7.8	ĐI	7.8	Khá	23.20	0.00	0	23.20	

TT	Mã HS	CMTND/ CCCD	Họ và tên		Ngày sinh	Năm TN	Giới	Tỉnh	Huyện	KV	ĐT	Tổ hợp xét	M1	ĐM 1	M2	ĐM 2	M3	ĐM 3	Học lực	Tổng điểm	ĐUT KV	ĐUT ĐT	Điểm XT (có UT)	Ghi chú
71	VLVH 32	024196001888	Đỗ Thị Thu	Trang	06/12/1996	2014	Nữ	18	01	2NT		D01	TO	7.6	VA	7.6	N1	7.9	Khá	23.10	0.00	0	23.10	
72	VLVH 41	027302009597	Ngô Thị	Yến	20/11/2002	2020	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	8.0	SU	7.6	ĐI	7.5	Khá	23.10	0.00	0	23.10	
73	VLVH 68	027193004342	Nguyễn Thị	Mai	16/11/1993	2011	Nữ	19	01	2		C00	VA	7.9	SU	8.3	ĐI	6.9	Khá	23.10	0.00	0	23.10	
74	VLVH 90	030301003175	Hoàng Thị Ngân	An	28/08/2001	2019	Nữ	12	01	2NT		C00	VA	7.1	SU	7.6	ĐI	8.4	Khá	23.10	0.00	0	23.10	
75	VLVH 95	020196001421	Long Thị Thanh	Thùy	24/6/1996	2014	Nữ	18	07	1	1	C00	VA	7.0	SU	6.5	ĐI	7.6	Khá	21.10	0.00	2	23.10	TCSPMN
76	VLVH 115	027303008876	Nguyễn Thị Thu	Thùy	19/03/2003	2021	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	8.1	SU	7.5	ĐI	7.5	Khá	23.10	0.00	0	23.10	
77	VLVH 118	027301002263	Nguyễn Thị Huyền	Trang	09/07/2001	2019	Nữ	19	07	2NT		C00	VA	7.4	SU	8.0	ĐI	7.7	Khá	23.10	0.00	0	23.10	
78	VLVH 67	027306002206	Nguyễn Thanh	Trúc	30/7/2006	2024	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	7.1	SU	7.8	ĐI	7.7	Khá	22.60	0.50	0	23.09	
79	VLVH 11	027197002640	Nguyễn Thị Kim	Thoa	11/8/1997	2015	Nữ	19	01	2		D01	TA	7.5	VA	8.0	N1	7.5	Khá	23.00	0.00	0	23.00	
80	VLVH 45	027195010889	Nguyễn Thị	Phuong	03/8/1995	2014	Nữ	19	02	2		C00	VA	7.0	SU	7.8	ĐI	8.2	Khá	23.00	0.00	0	23.00	
81	VLVH 93	027197008625	Nguyễn Thị Như	Hoa	25/01/1997	2015	Nữ	19	02	2NT		D01	TO	8.1	VA	6.6	N1	8.3	Giỏi	23.00	0.00	0	23.00	
82	VLVH 148	027199002439	Nguyễn Thị	Luyến	10/10/1999	2017	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	7.9	SU	8.0	ĐI	7.1	Khá	23.00	0.00	0	23.00	
83	VLVH 63	027305001360	Lê Thị Hồng	Anh	15/11/2005	2023	Nữ	19	01	2		D01	TO	7.1	VA	8.2	N1	7.6	Khá	22.90	0.00	0	22.90	
84	VLVH 94	027198010550	Nguyễn Thị Vân	Anh	02/03/1998	2016	Nữ	19	03	2		C00	VA	6.9	SU	8.1	ĐI	7.9	Khá	22.90	0.00	0	22.90	
85	VLVH 98	025193004032	Trần Thu	Hà	21/12/1993	2011	Nữ	19	04	2NT		C00	VA	7.4	SU	8.1	ĐI	7.4	Khá	22.90	0.00	0	22.90	
86	VLVH 105	027303007742	Trần Thị	Bình	18/12/2003	2021	Nữ	19	07	2NT		D01	TO	7.9	VA	7.1	N1	7.8	Khá	22.80	0.00	0	22.80	
87	VLVH 42	030306011469	Trần Thị	Hòa	05/11/2006	2024	Nữ	21	02	2		D01	TO	6.9	VA	7.5	N1	8.1	Khá	22.50	0.25	0	22.75	
88	VLVH 81	027199004249	Nguyễn Hải	Diệp	08/12/1999	2017	Nữ	12	06	2NT		D01	TO	7.0	VA	7.8	N1	7.9	Khá	22.70	0.00	0	22.70	
89	VLVH 153	024300008845	Trần Thị	Huong	22/09/2000	2018	Nữ	18	04	1	1	C00	VA	6.7	SU	6.9	ĐI	7.1	Khá	20.70	0.00	2	22.70	
90	VLVH 14	027196001398	Nguyễn Thị	Mai	03/06/1996	2014	Nữ	19	03	2NT		C00	VA	7.0	SU	8.1	ĐI	7.6	Khá	22.70	0.00	0	22.70	
91	VLVH 44	027306007082	Vũ Thị	Duyên	25/12/2006	2024	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	7.0	SU	7.7	ĐI	7.5	Khá	22.20	0.50	0	22.70	
92	VLVH 52	027198010072	Nguyễn Thị	Lộc	09/8/1998	2016	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	6.5	SU	8.2	ĐI	8.0	Khá	22.70	0.00	0	22.70	
93	VLVH 104	027302002692	Phạm Thị	Mỹ	16/06/2002	2020	Nữ	19	01	2		C00	VA	6.4	SU	8.1	ĐI	8.2	Khá	22.70	0.00	0	22.70	
94	VLVH 54	033304000498	Nguyễn Thị	Loan	29/7/2004	2023	Nữ	22	09	2NT		C00	VA	7.0	SU	7.3	ĐI	8.3	Khá	22.60	0.00	0	22.60	
95	VLVH 57	027198007519	Trịnh Thị	Châm	11/12/1998	2016	Nữ	19	08	2NT		C00	VA	7.3	SU	7.9	ĐI	7.4	Khá	22.60	0.00	0	22.60	

TT	Mã HS	CMTND/ CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Năm TN	Giới	Tỉnh	Huyện	KV	ĐT	Tổ hợp xét	M1	ĐM 1	M2	ĐM 2	M3	ĐM 3	Học lực	Tổng điểm	ĐUT KV	ĐUT ĐT	Điểm XT (có UT)	Ghi chú
96	VLVH 60	027301006933	Nguyễn Thị Hằng	29/11/2001	2019	Nữ	19	06	2NT		D01	TO	7.7	VA	7.6	N1	7.3	Khá	22.60	0.00	0	22.60	
97	VLVH 152	027199003248	Nguyễn Thị Phương	08/12/1999	2017	Nữ	19	03	2NT		C00	VA	6.9	SU	7.7	ĐI	8.0	Khá	22.60	0.00	0	22.60	
98	VLVH 16	024304001288	Nguyễn Thị Phương Anh	23/01/2004	2022	Nữ	18	09	2NT		C00	VA	7.0	SU	7.6	ĐI	7.9	Khá	22.50	0.00	0	22.50	
99	VLVH 17	024300010747	Đỗ Thị Mỹ Hoàn	06/11/2000	2018	Nữ	18	09	2NT		C00	VA	6.8	SU	7.7	ĐI	8.0	Khá	22.50	0.00	0	22.50	
100	VLVH 31	027197004570	Nguyễn Thị Loan	23/7/1997	2015	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	7.0	SU	7.7	ĐI	7.8	Khá	22.50	0.00	0	22.50	
101	VLVH 108	027301000997	Lê Thị Thủy Nguyên	10/10/2001	2019	Nữ	19	05	2		D01	TO	7.6	VA	7.6	N1	7.3	Khá	22.50	0.00	0	22.50	
102	VLVH 120	033193004254	Lê Thị Hoa	30/05/1993	2011	Nữ	19	10	2NT		C00	VA	7.6	SU	6.9	ĐI	8.0	Khá	22.50	0.00	0	22.50	
103	VLVH 49	027199005265	Nguyễn Thị Nguyệt	05/05/1999	2017	Nữ	19	03	2NT		C00	VA	6.4	SU	8.3	ĐI	7.7	Khá	22.40	0.00	0	22.40	
104	VLVH 40	001198013311	Vũ Thị Ngọc Bích	09/10/1998	2016	Nữ	01	16	2		C00	VA	7.3	SU	7.7	ĐI	7.4	Khá	22.40	0.00	0	22.40	
105	VLVH 114	026196008232	Lưu Thị Vân	20/03/1996	2014	Nữ	16	03	1		D01	TO	8.0	VA	6.6	N1	7.8	Khá	22.40	0.00	0	22.40	
106	VLVH 119	027304000888	Nguyễn Thị Phương Thảo	16/10/2004	2022	Nữ	19	04	2NT		C00	VA	7.1	SU	7.2	ĐI	8.1	Khá	22.40	0.00	0	22.40	
107	VLVH 136	027191008551	Lưu Thị Thơ	12/05/1991	2009	Nữ	19	03	2NT		D01	TO	8.5	VA	6.7	N1	7.2	Khá	22.40	0.00	0	22.40	
108	VLVH 02	027196009726	Lê Thị Huệ	04/01/1996	2014	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	7.3	SU	7.3	ĐI	7.7	Khá	22.30	0.00	0	22.30	
109	VLVH 43	027305002223	Nguyễn Thị Thương	05/01/2005	2023	Nữ	19	06	2NT		D01	TO	7.4	VA	6.4	N1	8.5	Khá	22.30	0.00	0	22.30	
110	VLVH 38	027303009106	Nguyễn Thị Linh	09/07/2003	2022	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	7.1	SU	7.3	ĐI	7.9	Khá	22.30	0.00	0	22.30	
111	VLVH 76	027300006871	Nguyễn Thị Định	29/10/2000	2018	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	7.6	SU	7.1	ĐI	7.6	Khá	22.30	0.00	0	22.30	
112	VLVH 70	027192009007	Ngô Thị Thu Hồi	25/8/1992	2010	Nữ	19	02	2		D01	TO	9.1	VA	7.2	N1	5.9	Khá	22.20	0.00	0	22.20	
113	VLVH 04	027304003971	Hoàng Phương Anh	08/01/2004	2023	Nữ	19	01	2		C00	VA	7.2	SU	7.7	ĐI	7.3	Khá	22.20	0.00	0	22.20	
114	VLVH 55	027194013389	Đào Thị Hằng	23/8/1994	2012	Nữ	19	07	2NT		C00	VA	6.6	SU	7.8	ĐI	7.8	Khá	22.20	0.00	0	22.20	
115	VLVH 133	027305006510	Chu Thị Vân Anh	10/04/2005	2023	Nữ	19	04	2NT		C00	VA	7.4	SU	7.5	ĐI	7.3	Khá	22.20	0.00	0	22.20	
116	VLVH 74	027306005799	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	08/04/2006	2024	Nữ	19	04	2		C00	VA	6.4	SU	7.8	ĐI	7.7	TB	21.90	0.25	0	22.15	
117	VLVH 33	027196001312	Hoàng Thị Bắc	15/9/1996	2014	Nữ	19	01	2		C00	VA	6.9	SU	7.9	ĐI	7.3	Khá	22.10	0.00	0	22.10	
118	VLVH 28	027198006606	Lê Thị Ngọc	12/02/1998	2016	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	7.3	SU	7.1	ĐI	7.7	Khá	22.10	0.00	0	22.10	
119	VLVH 87	027197012132	Nguyễn Thị Thu	15/11/1997	2016	Nữ	19	03	2NT		D01	TO	7.6	VA	7.0	N1	7.3	Khá	21.90	0.00	0	21.90	
120	VLVH 125	027196012366	Nguyễn Thị Nụ	10/07/1996	2014	Nữ	19	08	2NT		D01	TO	6.8	VA	6.7	N1	8.4	Khá	21.90	0.00	0	21.90	

TT	Mã HS	CMTND/ CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Năm TN	Giới	Tỉnh	Huyện	KV	ĐT	Tổ hợp xét	M1	ĐM 1	M2	ĐM 2	M3	ĐM 3	Học lực	Tổng điểm	ĐUT KV	ĐUT ĐT	Điểm XT (có UT)	Ghi chú
121	VLVH 13	001300026607	Lê Thị Trang	06/11/2000	2018	Nữ	19	02	2		D01	TO	6.4	VA	7.6	N1	7.8	Khá	21.80	0.00	0	21.80	
122	VLVH 106	030197013146	Nguyễn Thị Hương	02/11/1997	2015	Nữ	19	01	2		C00	VA	6.5	SU	7.3	ĐI	8.0	Khá	21.80	0.00	0	21.80	
123	VLVH 155	027189003067	Trần Thị Hoa	19/11/1989	2007	Nữ	19	03	2NT		C00	VA	7.2	SU	6.9	ĐI	7.6	Khá	21.70	0.00		21.70	
124	VLVH 03	027194010081	Nguyễn Thị Chấm	22/3/1994	2012	Nữ	19	03	2NT		D01	TA	7.6	VA	6.8	N1	7.3	Khá	21.70	0.00	0	21.70	
125	VLVH 50	027193010697	Trần Thị Xuân	25/11/1993	2011	Nữ	19	02	2		C00	VA	7.4	SU	7.3	ĐI	6.9	Khá	21.60	0.00	0	21.60	
126	VLVH 51	020300002928	Dương Thanh Thủy	29/07/2000	2018	Nữ	19	04	1		C00	VA	6.7	SU	6.9	ĐI	8.0	Khá	21.60	0.00	0	21.60	
127	VLVH 97	027301007649	Nguyễn Thị Lụa	15/06/2001	2019	Nữ	19	01	2		C00	VA	6.5	SU	7.6	ĐI	7.5	Khá	21.60	0.00	0	21.60	
128	VLVH 111	027301000548	Ngô Thị Gấm	10/06/2001	2019	Nữ	19	05	2		C00	VA	7.0	SU	7.4	ĐI	7.2	Khá	21.60	0.00	0	21.60	
129	VLVH 157	027305003771	Nguyễn Thị Hải Yến	25/12/2005	2024	Nữ	19	08	2NT		C00	VA	7.7	SU	6.4	ĐI	7.0	Khá	21.10	0.50		21.60	
130	VLVH 122	024191017423	Nguyễn Thị Tâm	20/12/1991	2009	Nữ	18	01	1		C00	VA	6.8	SU	7.6	ĐI	7.2	Khá	21.60	0.00	0	21.60	TCSPMN
131	VLVH 99	027192012555	Nguyễn Thị Thu Hà	01/06/1992	2010	Nữ	19	05	2NT		D01	TO	7.5	VA	7.1	N1	6.9	Khá	21.50	0.00	0	21.50	
132	VLVH 127	027302001601	Nguyễn Quỳnh Mai	17/12/2002	2020	Nữ	19	05	2NT		D01	TA	7.1	VA	7.3	N1	7.1	Khá	21.50	0.00	0	21.50	
133	VLVH 05	027306000810	Lê Thị Quỳnh Anh	02/02/2006	2024	Nữ	19	01	2		C00	VA	7.0	SU	7.1	ĐI	7.1	Khá	21.20	0.25	0	21.45	
134	VLVH 18	027303009240	Nguyễn Thị Tiếp	24/02/2003	2021	Nữ	19	06	2NT		D01	TO	7.0	VA	7.2	N1	7.2	Khá	21.40	0.00	0	21.40	
135	VLVH 79	026301001877	Lê Thị Vân	25/10/2001	2019	Nữ	26	05	2NT		C00	VA	7.3	SU	7.1	ĐI	7.0	Khá	21.40	0.00	0	21.40	
136	VLVH 132	027305003860	Đỗ Thị Yến Nhi	26/07/2005	2023	Nữ	19	04	2NT		D01	TO	7.0	VA	7.6	N1	6.8	Khá	21.40	0.00	0	21.40	
137	VLVH 35	027196009237	Nguyễn Minh Phương	05/02/1996	2014	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	7.3	SU	7.5	ĐI	6.5	Khá	21.30	0.00	0	21.30	
138	VLVH 39	038193030669	Nghiêm Thị Hà	10/07/1993	2011	Nữ	28	26	1		D01	TA	8.5	VA	5.9	N1	6.9	Khá	21.30	0.00	0	21.30	
139	VLVH 123	027194010810	Nguyễn Thị Yên	02/12/1994	2012	Nữ	19	02	2NT		D01	TO	7.9	VA	6.1	N1	7.3	Khá	21.30	0.00	0	21.30	
140	VLVH 128	027300008452	Lê Thị Thùy Dương	13/07/2000	2018	Nữ	19	04	2NT		D01	TO	8.0	VA	6.5	N1	6.8	Khá	21.30	0.00	0	21.30	
141	VLVH 150	033190016523	Lý Thị Huế	05/09/1990	2008	Nữ	19	01	2NT		C00	VA	7.1	SU	5.9	ĐI	8.3	Khá	21.30	0.00	0	21.30	
142	VLVH 36	027191001967	Nguyễn Thị Kính Giang	24/9/1991	2010	Nữ	19	06	2NT		D01	TO	7.4	VA	6.9	N1	6.9	Khá	21.20	0.00	0	21.20	
143	VLVH 64	027305010782	Phạm Thị Linh	22/8/2005	2023	Nữ	19	03	2NT		D01	TO	6.9	VA	6.2	N1	8.1	Khá	21.20	0.00	0	21.20	
144	VLVH 124	027194001584	Nghiêm Thị Nhung	20/04/1994	2012	Nữ	19	02	2NT		D01	TO	7.5	VA	5.5	N1	8.1	Khá	21.10	0.00	0	21.10	
145	VLVH 156	027195000319	Nguyễn Thị Thanh Hoa	12/8/1995	2013	Nữ	19	04	2		C00	VA	6.9	SU	7.1	ĐI	7.1	Khá	21.10	0.00		21.10	TCSPMN

TT	Mã HS	CMTND/ CCCD	Họ và tên	Ngày sinh	Năm TN	Giới	Tỉnh	Huyện	KV	ĐT	Tổ hợp xét	M1	ĐM 1	M2	ĐM 2	M3	ĐM 3	Học lực	Tổng điểm	ĐUT KV	ĐUT ĐT	Điểm XT (có UT)	Ghi chú
146	VLVH 01	001191053066	Lê Thị Thỏa	13/03/1991	2009	Nữ	19	01	2		C00	VA	7.2	SU	6.7	ĐI	7.1	Khá	21.00	0.00	0	21.00	
147	VLVH 109	027301003076	Nguyễn Thị Hằng	12/02/2001	2019	Nữ	19	01	2		C00	VA	6.4	SU	7.1	ĐI	7.5	Khá	21.00	0.00	0	21.00	
148	VLVH 135	027191003397	Nguyễn Thị Thành	23/09/1991	2009	Nữ	19	02	2NT		C00	VA	6.4	SU	7.1	ĐI	7.1	Khá	20.60	0.00	0	20.60	
149	VLVH 08	027194005538	Vương Thị Ly	10/08/1994	2012	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	7.2	SU	6.6	ĐI	6.6	Khá	20.40	0.00	0	20.40	
150	VLVH 92	027191014493	Phùng Thị Dung	15/12/1991	2009	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	6.2	SU	6.6	ĐI	7.6	Khá	20.40	0.00	0	20.40	
151	VLVH 140	027195005582	Nguyễn Thị Lý	16/07/1995	2013	Nữ	19	06	2NT		C00	VA	6.1	SU	7.3	ĐI	7.0	Khá	20.40	0.00	0	20.40	
152	VLVH 24	034193020802	Lê Thị Thu Hương	01/6/1993	2011	Nữ	19	01	2NT		C00	VA	5.8	SU	7.0	ĐI	7.4	Khá	20.20	0.00	0	20.20	

(Danh sách gồm 152 thí sinh)